

GIẢM NGHÈO CỦA NGƯỜI BA-NA Ở HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH VÀ NGƯỜI Ê-ĐÊ Ở HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN - THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA*

Lý Hành Sơn

Viện Dân tộc học

Email: hmongdao@yahoo.com.vn

Ngày nhận bài: 24/2/2020

Ngày phản biện: 28/2/2020

Ngày tác giả sửa: 5/3/2020

Ngày duyệt đăng: 20/3/2020

Ngày phát hành: 31/3/2020

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/380>

Thời gian qua, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu trong giảm nghèo, từng bước nâng cao mức sống của người dân, song vấn đề nghèo ở các dân tộc thiểu số vẫn mang tính thời sự. Ngoài một số hạn chế từ một số chính sách phát triển kinh tế, giảm nghèo cho các dân tộc thiểu số, còn có nguyên nhân về điều kiện tự nhiên, nhất là xuất phát điểm về kinh tế - xã hội còn thấp. Bài viết đề cập đến thực trạng giảm nghèo của người Ba-na ở huyện Vân Canh (tỉnh Bình Định) và người Ê-đê ở huyện Sông Hinh (tỉnh Phú Yên), từ đó phân tích một số nguyên nhân dẫn đến giảm nghèo còn chậm, đồng thời đưa ra đề xuất cho công tác giảm nghèo nơi đây.

Từ khóa: Giảm nghèo; Cận nghèo; Người Ba-na; Người Ê-đê; Huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định; Huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

1. Đặt vấn đề

Huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định có 3 dân tộc là Kinh, Ba-na, Chăm. Trong đó, dân tộc Chăm sống chủ yếu ở xã Canh Hòa, dân tộc Ba-na cư trú tập trung tại các xã Canh Thuận, Canh Liên, Canh Hiệp với số nhân khẩu chiếm trên 80% tổng dân số mỗi xã và trên 40% tổng dân số của huyện. Tính đến năm 2019, đời sống kinh tế của người Ba-na nơi đây còn khó khăn với tỷ lệ hộ nghèo cao, do đất đai bạc màu và thiếu nước tưới nên chủ yếu sản xuất được một vụ lúa nước và hoa màu/năm, trong khi lại thiếu và không ổn định những việc làm phi nông nghiệp. Những năm gần đây, bên cạnh bảo tồn diện tích rừng tự nhiên, người dân các dân tộc đã mở rộng diện tích đất trồng cây mía và phát triển trồng rừng với cây keo là chính, riêng khu vực xã Canh Liên còn có một số đồng cỏ thuận lợi cho phát triển đàn gia súc. Vì thế, đời sống của đồng bào được cải thiện, nhưng thiếu nước sản xuất cũng như nước sinh hoạt vẫn xảy ra hàng năm.

Trên địa bàn tỉnh Phú Yên hiện có khoảng 25.000 người Ê-đê, sinh sống chủ yếu ở hai huyện Sông Hinh và Sơn Hòa. Tại huyện Sông Hinh, đồng bào Ê-đê phân bố tập trung nhiều nhất tại các xã Ea Bar, Ea Lâm, Ea Bia, Ea Trol, Ea Bá và thị trấn

Hai Riêng. Chẳng hạn như ở xã Ea Bá, theo báo cáo của lãnh đạo xã, cả xã có 4 buôn nhưng đến ngày 1/4/2019, dân tộc Ê-đê có tới 459 hộ với 2.073 người/tổng số 471 hộ với 2.135 người, chiếm trên 90% dân số của xã. Do điều kiện tự nhiên, đất đai, khí hậu huyện Sông Hinh và các địa bàn cư trú của người Ê-đê khá thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, nên đời sống của đồng bào Ê-đê trong các xã của huyện ngày càng được cải thiện, những năm gần đây số hộ nghèo và cận nghèo giảm dần. Tuy nhiên, tình hình giảm nghèo hiện nay vẫn đang là vấn đề nan giải cho phát triển bền vững nơi đây.

2. Tổng quan nghiên cứu

Từ góc nhìn dân tộc học, đã có nhiều nghiên cứu về chủ đề đói nghèo, giảm nghèo... ở các dân tộc thiểu số (DTTS) nước ta. Có thể kể một số nghiên cứu đã thực hiện gần đây như: “Hường dục đất với xóa đói giảm nghèo của các dân tộc thiểu số ở miền núi Việt Nam” (Tinh, 2007); “An sinh xã hội đối với các dân tộc thiểu số ở Việt Nam” (Hương, chủ biên, 2014), “Đặc điểm xã hội và đói nghèo đối với sự phát triển, phát triển bền vững của người Khmer ở Nam Bộ” (Lệ, 2017); “Chính sách và thực trạng sinh kế của một số tộc người ở Việt Nam” (Mười, 2019); “Một số vấn đề giảm nghèo ở người Tà Ôi xã

* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học công nghệ cấp quốc gia “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực Tây Duyên hải miền Trung”, mã số CTDT 18.36/16 - 20 do Viện Dân tộc học thực hiện.

Đông Sơn, huyện Thừa Thiên Huế” (Đạo, 2020)... Song đói nghèo và việc giảm nghèo ở mỗi dân tộc tại mỗi địa phương, nhất là ở những thời điểm khác nhau đều không giống nhau, cần được nghiên cứu.

Qua một số tài liệu đã công bố, báo cáo của địa phương và tư liệu thu thập từ đợt điền dã trên, nghiên cứu này đề cập tới vấn đề giảm nghèo các năm 2016 - 2019 ở hai dân tộc Ba-na, Ê-đê trên địa bàn hai huyện Vân Canh và Sông Hinh.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả đi điền dã dân tộc học vào tháng 9/2019 để thu thập tư liệu tại hai huyện Vân Canh và Sông Hinh. Trong đó, đã tiến hành quan sát, đồng thời phỏng vấn sâu kết hợp thảo luận nhóm với một số người dân và cán bộ ở các xã Canh Liên, Canh Thuận (huyện Vân Canh), Ea Bia và Ea Bá (huyện Sông Hinh) về các vấn đề liên quan tới nội dung nghiên cứu.

Từ góc nhìn dân tộc học và dựa vào một số nghiên cứu đã công bố, nghiên cứu tập trung phân tích các tài liệu, tư liệu thu thập được trong đợt điền dã để làm rõ tình hình giảm nghèo các năm 2016 - 2019 và những vấn đề đặt ra trong công tác giảm nghèo đối với hai dân tộc Ba-na và Ê-đê ở hai địa bàn nêu trên.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng nghèo ở người Ba-na, huyện Vân Canh

Theo báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Vân Canh, số liệu hộ nghèo ở ba xã có đông người Ba-na ở thời điểm cuối năm 2017 đầu năm 2018 như: Xã Canh Thuận có 646 hộ nghèo/992 hộ của xã, chiếm 65,12%; Canh Liên có 517 hộ nghèo/717 hộ, chiếm 72,11%; Canh Hiệp có 505 hộ nghèo/666

hộ, chiếm 75,83%. Có thể thấy, tính đến đầu năm 2018, cả ba xã có đông người Ba-na ở huyện Vân Canh đều có tỷ lệ hộ nghèo rất cao so với tỷ lệ hộ nghèo của huyện này là 4.032 hộ nghèo/8.542 hộ, chiếm 47,20%. Đến cuối năm 2018, đầu năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo ở xã Canh Thuận vẫn còn 586 hộ nghèo/992 hộ, chiếm 59,07%; xã Canh Liên có 495 hộ nghèo/733 hộ, chiếm khoảng 67,53%; Canh Hiệp có 471 hộ nghèo/676 hộ, chiếm 69,67%. Như vậy, tính đến cuối năm 2018 và đầu năm 2019, số hộ nghèo của DTTS, chủ yếu là người Ba-na vẫn rất cao so với số hộ nghèo của huyện Vân Canh, bởi tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện vào thời điểm đó là 3.420 hộ nghèo/8.613 hộ, chiếm 39,71% (xem bảng 1).

Hơn nữa, số hộ cận nghèo cũng cao. Cụ thể, ở cuối năm 2017, xã Canh Thuận có 324 hộ cận nghèo/992 hộ, chiếm 32,66%; Canh Liên có 169 hộ cận nghèo/717 hộ, chiếm 23,57%; Canh Hiệp có 136 hộ cận nghèo/666 hộ, chiếm 20,42%. Số hộ cận nghèo của ba xã đông người Ba-na vẫn cao so với số hộ cận nghèo của huyện là 1.729 hộ cận nghèo/8.542 hộ, chiếm 20,24%. Đến đầu năm 2019, xã Canh Thuận có 382 hộ cận nghèo/992 hộ, chiếm 38,51%; Canh Liên có 211 hộ cận nghèo/733 hộ, chiếm 28,79%; Canh Hiệp có 176 hộ cận nghèo/676 hộ, chiếm 26,04%. Với số liệu này, nếu tính đến đầu năm 2019, tỷ lệ số hộ cận nghèo là DTTS, chủ yếu người Ba-na vẫn cao hơn so với tỷ lệ số hộ cận nghèo của huyện Vân Canh, bởi vì tỷ lệ hộ cận nghèo của toàn huyện là 1.860 hộ cận nghèo/8.613 hộ, chiếm khoảng 21,60% (xem bảng 2).

Nếu chỉ tính riêng số hộ nghèo là người DTTS mà chủ yếu là dân tộc Ba-na so với tổng số hộ nghèo của toàn xã thì cuối năm 2018, đầu năm 2019 được thể hiện như sau: Xã Canh Thuận có 512 hộ nghèo người DTTS/586 hộ nghèo của xã, chiếm 87,37%; xã Canh Liên có 495 hộ nghèo người DTTS/495

Bảng 1: Tỷ lệ hộ nghèo tại các xã có đông người Ba-na ở huyện Vân Canh (2017 - 2018)

STT	Đơn vị (xã)	Cuối năm 2017 và đầu năm 2018			Cuối năm 2018 và đầu năm 2019				
		Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ nghèo (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ nghèo (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ nghèo DTTS
1	Canh Thuận	992	646	65,12	992	586	59,07	512	87,37
2	Canh Liên	717	517	72,11	733	495	67,53	495	100
3	Canh Hiệp	666	505	75,83	676	471	69,67	343	92,14

Nguồn: Theo số liệu của UBND huyện Vân Canh (2017, 2018)

hộ nghèo của xã, chiếm 100%; Canh Hiệp có 434 hộ nghèo người DTTS/471 hộ nghèo của xã, chiếm 92,14% (xem bảng 1). Trong khi đó, toàn huyện Vân Canh vào cuối năm 2018 chỉ có 2.217 hộ nghèo người DTTS/3.420 số hộ nghèo của huyện, chiếm 64,82% (Ủy ban Nhân dân huyện Vân Canh, 2018). Rõ ràng, các xã có đông người Ba-na ở huyện này đều có tỷ lệ số hộ nghèo cao so với đa số xã của huyện và luôn ở mức cao hơn tỷ lệ số hộ nghèo của toàn huyện. Trong tự như vậy, vào cuối năm 2018 đầu năm 2019, xã Canh Thuận có 330 hộ cận nghèo người DTTS/382 hộ cận nghèo của xã, chiếm 86,39%; xã Canh Liên có 211 hộ cận nghèo người DTTS/211 hộ cận nghèo của xã, chiếm 100%; xã

Canh Hiệp có 92 hộ cận nghèo người DTTS/176 hộ cận nghèo của xã, chiếm 0,5% (xem bảng 2).

Qua kết quả so sánh, trong hai năm 2017 - 2018, tỷ lệ số hộ nghèo của người Ba-na ở Vân Canh giảm đi đáng kể. Cụ thể như xã Canh Hiệp nơi có số hộ nghèo cao đã giảm từ 75,83% năm 2017 xuống còn 69,67% vào đầu năm 2019; tại xã Canh Liên đã giảm từ 72,11% năm 2017 xuống còn 67,53% vào đầu năm 2019; ở xã Canh Thuận giảm từ 65,12% năm 2017 xuống còn 59,07% vào đầu năm 2019. Như vậy, số hộ nghèo đã giảm khoảng 5% - 6% ở mỗi xã. Tuy nhiên, tỷ lệ số hộ nghèo ở các DTTS, trong đó chủ yếu là dân tộc Ba-na vẫn ở mức cao, chiếm trên 50% đối với xã Canh Thuận tuy địa bàn

Bảng 2: Tỷ lệ hộ cận nghèo tại các xã có đông người Ba-na ở huyện Vân Canh (2017 - 2018)

STT	Đơn vị (xã)	Cuối năm 2017 và đầu năm 2018			Cuối năm 2018 và đầu năm 2019				
		Tổng số hộ	Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Tổng số hộ	Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Số hộ cận nghèo DTTS	Tỷ lệ hộ cận nghèo DTTD
1	Canh Thuận	992	324	32,66	992	382	38,51	330	86,39
2	Canh Liên	717	169	23,57	733	211	28,79	211	100
3	Canh Hiệp	666	136	20,42	676	176	26,04	92	0,5

Nguồn: Theo số liệu của UBND huyện Vân Canh (2017, 2018)

Bảng 3: Tỷ lệ hộ nghèo tại các xã có đông người Ê-đê ở huyện Sông Hinh (2016 - 2018)

STT	Đơn vị (xã)	Cuối năm 2016 và đầu năm 2017			Cuối năm 2017 và đầu năm 2018			Cuối năm 2018 và đầu năm 2019		
		Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
1	Ea Bia	654	226	34,56	672	207	30,80	679	131	19,29
2	Ea Trol	1.040	491	47,21	1.057	454	42,95	1.059	373	35,22
3	Ea Bar	1.433	550	38,38	1.474	483	32,77	1.479	292	19,74
4	Ea Lâm	590	334	58,9	590	312	52,88	595	234	39,33
5	Ea Bá	456	261	57,24	467	251	53,75	471	219	46,50

Nguồn: Theo số liệu của UBND huyện Sông Hinh (2016, 2017, 2018)

xã này ở ngay thị trấn huyện Vân Canh, còn hai xã vùng cao là Canh Liên và Canh Hiệp đều có tỷ lệ hộ nghèo trên 70% vào cuối năm 2018 đầu năm 2019. Vấn đề ở chỗ, khi so sánh việc giảm đi số hộ nghèo và số hộ cận nghèo trong các năm 2017 - 2018 lại cho thấy, tình trạng giảm nghèo được 5% - 6% ở mỗi xã dẫn đến tỷ lệ số hộ cận nghèo ở cùng thời điểm tại các xã vừa đề cập hầu như tăng lên cũng khoảng 5% - 6%. Rõ ràng, số hộ không thuộc diện nghèo thì có nghĩa rơi vào đối tượng cận nghèo, chỉ khi thoát khỏi cận nghèo mới coi như thoát nghèo và vấn đề này là một thách thức đối với công tác giảm nghèo ở nơi đây, nếu không giải quyết tốt sẽ làm gia tăng thêm tình trạng cận nghèo và tái nghèo.

4.2. Thực trạng nghèo ở người Ê-đê, huyện Sông Hinh

Tại huyện Sông Hinh, vấn đề nghèo của dân tộc Ê-đê được giải quyết khá tốt do thuận lợi về nhiều mặt, nhất là điều kiện tự nhiên cho phép người dân mở rộng diện tích và tăng vụ lúa nước cùng nhiều cây trồng có tính hàng hóa và cơ sở hạ tầng giao thông cũng tốt hơn. Vì thế, theo báo cáo của UBND huyện Sông Hinh, các xã có đông người Ê-đê đều chuyển biến tích cực trong công tác giảm nghèo theo từng năm, cụ thể như sau (xem bảng 3).

Số liệu ở bảng 3 chỉ ra rằng, tỷ lệ hộ nghèo các xã vào cuối năm 2016 đầu năm 2017 như: xã Ea Bia là 34,56%; xã Ea Trol: 47,21%; xã Ea Bar: 38,38%; xã Ea Lâm: 58,59%; xã Ea Bá: 57,24%. Từ cuối năm 2017 đến đầu năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo là: xã Ea Bia còn có 30,80%; xã Ea Trol: 42,95%; xã

Ea Bar: 32,77%; xã Ea Lâm: 52,88%; xã Ea Bá: 53,75%. Đến cuối năm 2018 và đầu năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đều giảm, cụ thể: xã Ea Bia chỉ còn 19,29%; xã Ea Trol: 35,22%; xã Ea Bar: 19,74%; xã Ea Lâm: 39,33%; xã Ea Bá: 46,50%. Rõ ràng, từ năm 2016 đến đầu năm 2019, tình trạng nghèo của người Ê-đê ở huyện Sông Hinh có xu hướng giảm. Song, kết quả này vẫn còn cao, bởi xã Ea Bia được cho là số hộ nghèo ít nhất ở đầu năm 2019 nhưng vẫn chiếm 19,29% dân số của xã, riêng xã Ea Bá vẫn đang ở mức 46,50%. Trong khi, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện Sông Hinh vào đầu năm 2017 chỉ có 25,86%; tới cuối năm 2017 đã giảm xuống còn 19,94%; và đến đầu năm 2019 chỉ còn 14,16%.

Riêng số hộ cận nghèo, theo báo cáo tổng hợp diễn biến kết quả giảm hộ cận nghèo cuối năm 2016 đến đầu năm 2019 của UBND huyện Sông Hinh cho thấy các số liệu ở những xã có đông người Ê-đê như sau (xem bảng 4).

Dựa vào bảng 4 có thể thấy tỷ lệ hộ cận nghèo toàn xã vào cuối năm 2016 đầu năm 2017: xã Ea Bia có 20,95%; xã Ea Trol: 6,06%; xã Ea Bar: 11,86%; xã Ea Lâm: 17,25%; xã Ea Bá: 9,78%. Từ cuối năm 2017 đến đầu năm 2018, tỷ lệ hộ cận nghèo là: xã Ea Bia có 19,94%; xã Ea Trol: 8,42%; xã Ea Bar: 17,37%; xã Ea Lâm: 21,12%; xã Ea Bá: 11,99%. Đến cuối năm 2018 đầu năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đều tăng như: xã Ea Bia có tới 21,35%; xã Ea Trol: 11,43%; xã Ea Bar: 26,77%; xã Ea Lâm: 26,22%; xã Ea Bá: 17,83%. Có thể nói, từ năm 2016 tới đầu năm 2019, tình hình cận nghèo của người

Bảng 4: Tỷ lệ hộ cận nghèo tại các xã có đông người Ê-đê ở huyện Sông Hinh (2016 - 2018)

STT	Đơn vị (xã)	Cuối năm 2016 và đầu năm 2017			Cuối năm 2017 và đầu năm 2018			Cuối năm 2018 và đầu năm 2019		
		Tổng số hộ	Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Tổng số hộ	Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Tổng số hộ	Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)
1	Ea Bia	654	137	20,95	672	134	19,94	679	145	21,35
2	Ea Trol	1.040	63	6,06	1.057	89	8,42	1.059	121	11,43
3	Ea Bar	1.433	170	11,86	1.474	256	17,37	1.479	396	26,77
4	Ea Lâm	590	99	17,25	590	124	21,12	595	156	26,22
5	Ea Bá	456	45	9,78	467	56	11,99	471	84	17,83

Nguồn: Theo số liệu của UBND huyện Sông Hinh (2016, 2017, 2018)

Ê-đê huyện Sông Hinh có xu hướng tăng dần, nhất là tại thời điểm đầu năm 2019. Chẳng hạn như xã Ea Trol vào năm 2016 chỉ có 6,06% hộ cận nghèo nhưng đến đầu năm 2019 đã có tới 11,43% hộ nghèo; tương tự như vậy, năm 2016 xã Ea Bá có 9,78% hộ cận nghèo nhưng đầu năm 2019 có 17,83%; duy nhất xã Ea Bia ở cuối năm 2016 có 20,95% hộ cận nghèo, đầu năm 2019 chỉ tăng đến 21,35%.

Để thấy rõ hơn tình hình nghèo và giảm nghèo về thu nhập đối với DTTS, chủ yếu là dân tộc Ê-đê tại những xã thuộc huyện Sông Hinh, có thể phân tích, đánh giá qua các số liệu ở bảng sau (*xem bảng 5*).

Trên cơ sở số liệu trong bảng 5 có thể thấy, tình trạng nghèo về thu nhập ở huyện Sông Hinh rơi vào người DTTS mà chủ yếu là người Ê-đê tại những xã vừa đề cập. Cụ thể, tại thời điểm đầu năm 2019, ngoài xã Ea Bá có 93,61% hộ nghèo là người DTTS, các xã khác đều có 100% hộ nghèo là người DTTS. Với tình trạng hộ nghèo ở mỗi xã còn rất cao bởi số hộ nghèo thấp nhất vào đầu năm 2019 là xã Ea Bia vẫn còn 19,29%, thì số hộ nghèo trong các xã đều thuộc về người DTTS, trong đó hầu hết 100% là người Ê-đê. Trong khi, tỷ lệ nghèo bình quân chung của cả nước năm 2017 là 6,7%; năm 2018 còn dưới 6% (Sở Lao Động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Định, 2019).

5. Thảo luận

5.1. Về nguyên nhân giảm nghèo còn chậm

Qua phân tích tư liệu phỏng vấn sâu, thảo luận

nhóm ở một số thôn/buôn của hai dân tộc Ba-na, Ê-đê được chọn khảo sát tại hai xã Canh Liên, Canh Thuận thuộc huyện Vân Canh và hai xã Ea Bia, Ea Bá thuộc huyện Sông Hinh cho thấy, có một số nguyên nhân sau:

Thứ nhất, chưa có đột phá về chuyển đổi cơ cấu sản xuất: Do hầu hết địa bàn sinh sống của đồng bào DTTS đều tập trung ở nông thôn vùng sâu, nên sản xuất nông nghiệp hàng hóa gặp khó khăn, trong khi kết cấu hạ tầng chưa phát triển khiến việc thu hút đầu tư vào các ngành nghề phi nông nghiệp chưa đáng kể. Vì vậy, nguồn sinh kế của đồng bào dân tộc Ba-na, Ê-đê nơi đây đều từ hoạt động nông nghiệp là chính, thường kế thừa từ thế hệ trước. Khi trả lời câu hỏi về việc làm chủ yếu hiện nay, đại diện các hộ gia đình ở một số thôn thuộc các xã được chọn nghiên cứu vào tháng 8 - 9/2019 đều trả lời rằng, các công việc chính và trước tiên là làm nông nghiệp, canh tác các loại cây lương thực và thực phẩm kết hợp chăn nuôi truyền thống. Song, qua khảo sát cho thấy, điều kiện tự nhiên ở hai huyện này, nhất là huyện Vân Canh lại không thuận tiện cho canh tác cây lúa nước do rất ít đất ruộng mà lại thiếu nước tưới, trong khi đất làm nương rẫy đã bạc màu và cần cỗi từ nhiều năm, khó chuyển đổi vật nuôi cây trồng. Do đó, hầu hết các gia đình chưa thể tạo ra dư thừa sản phẩm từ sản xuất nông nghiệp để bán ra thị trường, nên chưa có tích lũy. Đây là một trong những nguyên nhân cản trở việc giảm nghèo ở hai dân tộc Ba-na, Ê-đê nơi đây.

Thứ hai, thiếu việc làm: Bối cảnh sản xuất nông

Bảng 5: Tỷ lệ hộ nghèo của nhóm dân tộc thiểu số, chủ yếu là dân tộc người Ê-đê ở huyện Sông Hinh (2016 - 2018)

STT	Đơn vị (xã)	Cuối năm 2016			Cuối năm 2017			Đầu năm 2019		
		Tổng số hộ nghèo	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ nghèo DTTS (%)	Tổng số hộ nghèo	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ nghèo DTTS (%)	Tổng số hộ nghèo	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ nghèo DTTS (%)
1	Ea Bia	226	213	94,25	207	207	100	131	131	100
2	Ea Trol	491	441	89,82	454	421	92,73	373	373	100
3	Ea Bar	550	364	66,18	483	483	100	292	292	100
4	Ea Lâm	334	331	99,1	312	312	100	234	234	100
5	Ea Bá	261	257	98,47	251	232	92,43	219	205	93,61

Nguồn: Theo số liệu của UBND huyện Sông Hinh (2016, 2017, 2018)

nghiệp đang thiếu các loại đất canh tác do dân số tăng nhanh, đất bạc màu và xấu buộc phải đầu tư nhiều công sức cải tạo và chi phí cho phân bón, đặc biệt là thiếu nước để tưới vụ cây trồng,... dẫn đến tình trạng dư thừa thời gian nông nhàn ngày càng nhiều. Đây là tiềm tàng thiếu việc làm trong mùa vụ tại các địa phương người Ba-na ở huyện Vân Canh và người Ê-đê huyện Sông Hinh, đã được đề cập trong báo cáo của một số địa phương. Chẳng hạn, trong báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 của UBND xã Canh Thuận huyện Vân Canh có viết: “Trong nhân dân còn khá nhiều lao động thiếu việc làm phải đi làm thuê ở nơi khác để tăng thu nhập nhằm ổn định đời sống gia đình” (Ủy ban Nhân dân xã Canh Thuận, 2018, tr. 1). Có thể nói ở địa bàn miền núi, khi thiếu đất sản xuất và gia tăng thời gian nông nhàn, người dân chỉ có thể đi làm thuê theo hình thức lao động phổ thông, song hành với thiếu đất, đi làm thuê là tỷ lệ hộ nghèo tăng cao.

Thứ ba, tuy chính quyền địa phương và người dân có quan tâm tới xu hướng đa dạng nguồn thu nhập song vẫn thiếu tính bền vững. Nhằm góp phần giảm nghèo, từ năm 2011 nhiều hộ gia đình Ba-na ở huyện Vân Canh, nhất là tại các xã vùng cao đã tăng dần diện tích đất rừng sản xuất để trồng cây keo; còn đồng bào Ê-đê huyện Sông Hinh thì phát triển đàn gia súc, nhất là chăn nuôi bò. Ngoài ra, đồng bào dân tộc ở cả hai huyện đều gia tăng phát triển chăn nuôi, đi làm thuê tại địa phương trong những dịp nông nhàn. Thu nhập từ các hoạt động sinh kế này góp phần giảm nghèo đáng kể từ 2016 đến nay. Đặc biệt, cây keo ở vùng người Ba-na huyện Vân Canh đang cho thu hoạch dần, người Ê-đê ở huyện Sông Hinh thì tích lũy được kinh nghiệm chăn nuôi bò và tăng cường hơn nhu cầu tìm kiếm việc làm thêm tại các dịch vụ làm thuê quanh buôn/làng, trong xã hoặc thị trấn. Tuy nhiên, các nguồn thu từ làm thuê không ổn định, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp bấp bênh do thời tiết diễn biến phức tạp, năng hạn kéo dài, nhất là trong các năm 2018, 2019 dẫn đến hoa màu kém thu hoạch, lúa mùa cho năng suất thấp, trong khi giá cả thị trường luôn biến động thất thường, vật tư phân bón đều tăng giá. Như vậy, do thu nhập thấp, đồng bào ít có khả năng tích lũy tạo vốn tái đầu tư phát triển hay mở rộng sản xuất, chuyển đổi ngành nghề,...

Thứ tư, một số nguyên nhân khác như thiếu lao động; thiếu vốn sản xuất; trình độ sản xuất thấp bởi chưa được đào tạo nâng cao kiến thức đối với việc áp dụng các giống cây con mới; lực cản của văn hóa và phong tục tập quán truyền thống;... Do xuất phát điểm thấp, trình độ có hạn nên việc áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp của

đồng bào còn hạn chế, khả năng tìm kiếm công việc phi nông nghiệp tại các công ty, nhà máy, xí nghiệp cũng khó khăn, khiến người dân ngày càng thiếu việc làm hoặc thất nghiệp, dẫn tới đời sống vật chất khó nâng lên. Theo thống kê của Ủy ban Dân tộc năm 2015, một số dân tộc gần như không có lao động qua đào tạo, trong đó có tộc người Ba-na, nên tỷ lệ người Ba-na từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo có việc làm chỉ chiếm 1,3%; dân tộc Ê-đê cũng chỉ có 3,4% thấp hơn nhiều so với mức trung bình của 53 DTTS là 6,2% (Ủy ban Dân tộc, 2015, tr. 37-38). Những nguyên nhân này cùng với các nguyên nhân vừa đề cập đã trở thành lực cản, làm cho công tác giảm nghèo ở vùng người Ba-na và người Ê-đê chưa thể giảm nhanh, nay vẫn đang ở mức cao hơn tỷ lệ số hộ nghèo của cả huyện mặc dù điều kiện sinh sống của người Ba-na ở xã Canh Thuận, huyện Vân Canh và người Ê-đê ở huyện Sông Hinh không quá khó khăn.

5.2. Về vai trò của chính sách nhà nước đối với giảm nghèo

Có nhiều chính sách, chương trình, dự án phát triển của Nhà nước ta đã và đang triển khai nhằm giảm nghèo cho các dân tộc, trong đó có dân tộc Ba-na, Ê-đê ở Tây Duyên hải miền Trung. Từ 1980 đến nay, có 32 Nghị định, Nghị quyết do Chính phủ ban hành và 150 Quyết định do Thủ tướng Chính phủ ban hành điều chỉnh chính sách trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội (Tinh, 2016). Chẳng hạn, gần đây có một số chính sách dành cho các DTTS như: Chính sách định canh định cư có Quyết định số 138/QĐ-TTg và các dự án định canh định cư đã hợp nhất vào Chương trình 135 theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg, Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ di dân và sắp xếp, ổn định dân cư dân tộc giai đoạn 2007 - 2010...; Chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất, nhà ở và nước sinh hoạt gồm có Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg nhưng khi triển khai thì có thêm 3 quyết định của Thủ tướng và 3 văn bản cấp Bộ, đáng chú ý là Quyết định số 146/2005/QĐ-TTg và Quyết định số 57/2007/QĐ-TTg về thu hồi đất của các nông lâm trường giao cho các hộ DTTS nghèo; Chính sách vay vốn đối với hộ đồng bào DTTS có Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg về cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ DTTS, Quyết định số 126/2008/QĐ-TTg về sửa đổi một số điều của Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg về hộ nghèo dân tộc thiểu số được vay với lãi suất thấp; Chính sách giảm nghèo mục tiêu quốc gia có Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;... (Thành, 2014). Vì vậy, qua báo cáo số 774/BDT-VP ngày 30/11/2018 của Ban Dân tộc tỉnh Bình Định về kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2018 cho thấy, trong tình hình nay đang thực

hiện 9 chính sách do Ủy ban Dân tộc quản lý; 8 chương trình, chính sách do các Bộ ngành quản lý; 15 chính sách thuộc các chính sách dân tộc riêng của địa phương (Ban Dân tộc tỉnh Bình Định, 2018).

Về cơ bản, hệ thống các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo cho các DTTS khá toàn diện, tạo ra những chuyển biến lớn ở vùng đồng bào DTTS, đặc biệt là hai dân tộc Ba-na và Ê-đê ở hai tỉnh Bình Định và Phú Yên. Như tỉnh Phú Yên, do UBND huyện Sông Hinh tiến hành lồng ghép nhiều Chương trình và chính sách, nên khi thực hiện tại vùng DTTS đã phát huy được những tích cực, làm cho công tác giảm nghèo có hiệu quả, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS được cải thiện, đời sống xã hội của cộng đồng thôn/buôn DTTS ngày thêm phong phú, đặc biệt là tình hình an ninh, chính trị, trật tự xã hội được củng cố, năng lực của hệ thống chính trị cơ sở giữ vững sự ổn định,... góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Song, theo đánh giá của UBND huyện, vẫn còn nhiều hạn chế, cụ thể là: (i) Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn còn ở mức cao, có xã, thôn/buôn của Chương trình 135 có tỷ lệ hộ nghèo tại thời điểm báo cáo còn 49,21% trên toàn huyện; (ii) Sản xuất nông nghiệp chưa bền vững, năng suất và chất lượng vật nuôi, cây trồng chưa cao, thu nhập chưa ổn định, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật chưa thật tốt; (iii) Một bộ phận dân cư thuộc hộ nghèo còn thiếu đất, kinh nghiệm sản xuất, chưa có định hướng giảm nghèo bền vững;... (Ủy ban nhân dân huyện Sông Hinh, 2019).

Rõ ràng, suốt nhiều năm qua, tuy được đầu tư nhiều nguồn lực với nhiều chương trình, chính sách khác nhau, song qua khảo sát cho thấy, điều kiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ xã hội ở vùng đồng bào DTTS nói chung, vùng dân tộc Ba-na và Ê-đê nói riêng vẫn còn không ít khó khăn cho việc tiếp cận và liên kết với thị trường lao động, kinh doanh, buôn bán nông sản,... Trong khi, hầu hết các hộ gia đình đều thiếu đất sản xuất; thu nhập thấp nên ít có khả năng tích lũy tạo vốn tái đầu tư phát triển hay mở rộng sản xuất, chuyển đổi cây trồng vật nuôi hoặc ngành nghề mới; việc sử dụng vốn, áp dụng giống mới của rất nhiều hộ dân chưa mang lại hiệu quả do lỗi canh tác, chăn nuôi chậm đổi mới; thời tiết bất lợi, giá cả nông sản bấp bênh;... Hơn nữa, việc không tận dụng được nguồn lao động sẵn có, nhất là trong những dịp nông nhàn cũng dẫn đến khó khăn cho công tác giảm nghèo tại các thôn/buôn người Ba-na và người Ê-đê, chưa kể một bộ phận người dân vẫn còn chi tiêu lãng phí, có tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của chính sách, chưa có động lực tự giác vươn lên để thoát nghèo.

5.3. Vấn đề đặt ra đối với công tác giảm nghèo

Một là, vấn đề đảm bảo sự ổn định về an ninh lương thực tại chỗ và giảm nghèo bền vững trong bối cảnh đổi mới, hội nhập vẫn đang đặt ra như một nhiệm vụ hàng đầu đối với các vấn đề xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc Ba-na, Ê-đê ở hai tỉnh Bình Định và Phú Yên, đặc biệt là ở huyện Vân Canh và các huyện thuộc vùng cao. Gắn liền với vấn đề này là lao động, việc làm ổn định nhằm tạo ra thu nhập đa dạng và ngày càng cao cho người dân, nhất là bộ phận sinh sống ở những nơi vùng sâu, vùng xa cũng trở nên bức xúc.

Hai là, trong bối cảnh cơ chế thị trường và tăng cường sản xuất hàng hóa, hầu hết các hộ gia đình Ba-na ở huyện Vân Canh và người Ê-đê ở huyện Sông Hinh vẫn chủ yếu làm nông nghiệp. Song, do có rất ít ruộng nước, trong khi dân số tăng nhanh và suy thoái các loại đất canh tác, cạn kiệt tài nguyên rừng nên lao động, việc làm ổn định là vấn đề thách thức cho việc giảm nghèo. Theo báo cáo của UBND xã Canh Liên, huyện Vân Canh - nơi có đông người Ba-na, hàng năm số lao động trong xã đều tăng, tình trạng dư thừa lao động hiện nay do thiếu đất sản xuất và thiếu việc làm cho thu nhập cao là vấn đề nan giải.

Ba là, vấn đề gia tăng dân số, do biến động dân cư và sự hủy hoại môi trường sinh thái, thu hẹp không gian sinh tồn..., tạo nên những hệ lụy xấu cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, ảnh hưởng tiêu cực tới việc đảm bảo an ninh con người, đặc biệt là an ninh lương thực cho giảm nghèo, quản lý quan hệ dân tộc cùng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, chăm sóc sức khỏe,...

Bốn là, vấn đề nghèo và quan hệ tộc người đang có những nhân tố tiềm ẩn ảnh hưởng đến đại đoàn kết dân tộc, do: (i) Khoảng cách giàu nghèo và sự chênh lệch về mức sống giữa bộ phận người dân tộc đa số và đại đa số người DTTS, giữa người DTTS với nhau; (ii) Một số ít thương lái và tiêu thương cho vay thê chấp, mua rẻ bán đắt, thiếu trung thực trong quan hệ làm ăn, dẫn tới tư tưởng không hài lòng của một bộ phận người dân trong quan hệ tộc người.

Năm là, vấn đề liên quan tới xu hướng toàn cầu hóa, đặc biệt là về công nghệ truyền thông tại các địa phương DTTS, bao gồm vùng tộc người Ba-na và Ê-đê ở hai tỉnh Bình Định, Phú Yên. Thông qua các phương tiện công nghệ thông tin hiện đại, nhất là internet và mạng xã hội, các thế lực thù địch trong và ngoài nước luôn dễ dàng thực hiện âm mưu dưới mọi hình thức, nhằm xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác giảm nghèo, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, truyền bá tư tưởng tôn giáo mới,...

5.4. Một số đề xuất cho công tác giảm nghèo

Qua phân tích thực trạng giảm nghèo ở vùng đồng bào hai dân tộc Ba-na, Ê-đê ở hai huyện Vân Canh và Sông Hinh cùng với những vấn đề đặt ra, có một số đề xuất cho công tác giảm nghèo thời gian tới như sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới chính sách vi mô nhằm nâng cao hơn nữa tính quy mô, chất lượng các cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, những công trình cung cấp nước cho sản xuất, nước sinh hoạt tại những nơi luôn thiếu nước nghiêm trọng thuộc Tây Duyên hải miền Trung. Đồng thời, tăng cường phát triển giao thông trong thôn, liên thôn, liên xã theo chương trình xây dựng nông thôn mới.

Thứ hai, một mặt, cần xác định kỹ lưỡng và định hướng cho người dân hệ cây trồng, vật nuôi phù hợp và có hiệu quả với điều kiện tự nhiên và văn hóa tộc người ở địa phương, để khắc phục tình trạng sản xuất mang tính trông chờ vào cây keo, cây chuối, sắn,... với đầu ra bấp bênh, dễ gặp rủi ro như hiện nay. Mặt khác, có kế hoạch phát triển đa dạng và đẩy mạnh những tác động của các dịch vụ liên quan đến sản xuất các loại hàng hóa nông - lâm nghiệp, thủy sản, thủ công truyền thống, tiêu thụ sản phẩm, phát triển chợ vùng cao,...

Thứ ba, tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh hơn nữa phát triển hệ thống giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn lao động chất lượng cao là người DTTS tại chỗ, đặc biệt chú ý đào tạo nghề và mở rộng ngành nghề, ưu tiên những ngành nghề phi nông nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương.

Thứ tư, cần có biện pháp phù hợp, hiệu quả với thực tiễn địa phương để từng bước bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về các vấn đề liên quan tới sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp cho những cán bộ ở cấp thôn/buôn để họ có trình độ và đủ năng lực chỉ đạo, hướng dẫn người dân phát triển kinh tế theo hướng đa ngành nghề nhưng sát thực tế với nhu cầu thị trường, từ đó

giảm bớt khoảng cách giàu nghèo, chênh lệch mức sống giữa các hộ gia đình.

Thứ năm, cần có chính sách đặc thù mang tính chiến lược và lâu dài về phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Duyên hải miền Trung, đặc biệt là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới gắn với phát triển tộc người để thu hút đầu tư xây dựng các khu công nghiệp tạo việc làm quy mô lớn tại một số địa bàn trọng điểm vùng này cho con em các dân tộc, bao gồm dân tộc Ba-na và Ê-đê đã học hết trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông, trường dạy nghề,... Đây là giải pháp trọng điểm nhằm thúc đẩy phát huy hiệu quả các mối quan hệ mới tích cực trong lĩnh vực hoạt động kinh tế và giảm nghèo nhanh, bền vững ở nơi đây.

6. Kết luận

Nước ta thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu trong công tác giảm nghèo và nâng cao mức sống của người dân nói chung và DTTS nói riêng, song tiến bộ đạt được chưa đều. Tỷ lệ nghèo ở nhóm các DTTS tại không ít địa phương vẫn còn cao. Đến nay, đa số đồng bào ở những nơi này vẫn ít có điều kiện liên kết với thị trường bên ngoài, khó khăn tiếp cận với nhiều dịch vụ xã hội cơ bản. Do đó, những thành tựu giảm nghèo đã đạt được thời gian qua còn thiếu bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao.

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới việc giảm nghèo diễn ra chậm. Ngoài những hạn chế từ một số chính sách, còn có nguyên nhân về điều kiện tự nhiên và nội tại của người DTTS, nhất là do xuất phát điểm về kinh tế - xã hội thấp. Vì vậy, tính đặc thù dân tộc gắn với các điều kiện cụ thể ở địa phương cần được xem xét kỹ khi xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo cho người DTTS. Theo đó, bài viết này đã đưa ra một số đề xuất cho công tác giảm nghèo ở một số DTTS vùng miền núi thuộc hai tỉnh Bình Định, Phú Yên nói riêng cũng như khu vực Tây Duyên hải miền Trung nói chung trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Vân Canh. (2019). *Báo cáo sơ kết giữa kỳ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Vân Canh giai đoạn 2016 - 2020*.

Ban Dân tộc tỉnh Bình Định. (2018). *Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ năm 2019*.

Hương, N. T. L. (2014). *An sinh xã hội đối với các dân tộc thiểu số ở Việt Nam* (Chủ biên). Hà Nội: Nxb. Thế giới.

Lê, N. V. (2017). Đặc điểm xã hội và đói nghèo đối với sự phát triển, phát triển bền vững của người Khơ-me ở Nam Bộ. Trong Viện Dân tộc học (Chủ biên), *Một số vấn đề dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và xuyên biên giới nước ta hiện nay*. Kỷ yếu Hội nghị Khoa học quốc gia năm 2017. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

Mười, V. Đ. (2019). Chính sách và thực trạng sinh kế của một số tộc người ở Việt Nam. *Tạp Chí Dân Tộc Học, Số 6*, tr.5, tr.37-47.

- Sở Lao Động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Định. (2019). *Báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2012 - 2018*.
- Thành, N. L. (2014). *Chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số phía Bắc Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Quản lý hành chính công (bản tóm tắt), Thư viện Học viện Hành chính Quốc gia.
- Tình, V. X. (2007). Hưởng dụng đất với xóa đói giảm nghèo của các dân tộc thiểu số ở miền núi Việt Nam. *Tạp Chí Dân Tộc Học*, Số 2, tr.5-19.
- Tình, V. X. (2016). Tổng quan chính sách dân tộc ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay. *Tạp Chí Dân Tộc Học*, Số 1-2, tr.17-27.
- Ủy ban nhân dân huyện Sông Hinh. (2017, 2018, 2019). *Tổng hợp kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo; Tổng hợp kết quả điều tra, rà soát hộ cận nghèo; Phân tích hộ nghèo theo các nhóm đối tượng*.
- Ủy ban nhân dân huyện Sông Hinh. (2019a). *Báo cáo đánh giá sơ kết thực hiện giai đoạn 2016 - 2010 và đề xuất kế hoạch khung giai đoạn 2021 - 2025 của chương trình 135*.
- Ủy ban nhân dân huyện Sông Hinh. (2019b). *Báo cáo triển khai, kết quả thực hiện các Chương trình, chính sách dân tộc, miền núi 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019*.
- Ủy ban nhân dân huyện Vạn Canh. (2017, 2018). *Tổng hợp kết quả điều tra, rà soát hộ cận nghèo; Tổng hợp kết quả điều tra, rà soát hộ cận nghèo; Phân tích hộ nghèo theo các nhóm đối tượng*.
- Ủy ban nhân dân xã Canh Thuận. (2018). *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019*.

THE POVERTY REDUCTION IN THE BA-NA ETHNIC GROUP, VAN CANH DISTRICT, BINH DINH PROVINCE AND THE E-DE ETHNIC GROUP, SONG HINH DISTRICT, PHU YEN PROVINCE - SITUATION AND PROBLEMS

Ly Hanh Son

Institute of Anthropology
Email: hmongdao@yahoo.com.vn

Received: 24/2/2020
Reviewed: 28/2/2020
Revised: 5/3/2020
Accepted: 20/3/2020
Released: 31/3/2020

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/380>

Abstract

In the past time, our country has gotten many achievements in poverty reduction, gradually raising the living standards of people. However, the issue of poverty among ethnic minorities is still serious. Beside the limitations from policies of economic development and poverty reduction for ethnic minorities, there are also severer causes such as natural conditions, low socio-economic starting points,... This article discusses about the situation of poverty reduction among Ba-na people in Van Canh district (Binh Dinh province) and E-de people in Song Hinh district (Phu Yen province), then analyses some causes leading to slow poverty reduction there. Analyzing aiming for making political recommendations about poverty reduction in the two locations here.

Keywords

Poverty reduction; Near poverty; The Ba-na; The E-de; Van Canh district, Binh Dinh province; Song Hinh district, Phu Yen province.